

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 660/2018/KDTM-PT

Ngày: 04/7/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển

nhượng quyền thu phí.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Thẩm phán:

1/ Bà Hà Thanh Thủy

2/ Bà Ủ Thị Bạch Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Anh Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07, 12 tháng 6 và ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/KDTMPT ngày 19/10/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí”.

Do Bản án sơ thẩm số 1855/2017/KDTM-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị nguyên đơn và bị đơn kháng cáo; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2217/2018/QĐXX-PT ngày 14/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty Xây dựng X.

Địa chỉ: Số 77 Nguyễn Du, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Căn hộ C12B-06, Mulberry Lane, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

(Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2016)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Du lịch Y

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Văn phòng 68 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1985 (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: Số 68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 08/1/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Bùi Quang N, Công ty Luật hợp danh Nghiêm & Chính, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân tỉnh Z.

Địa chỉ: Số 62 Hùng Vương, Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thế T – Phó Trưởng phòng Quản lý tài chính đầu tư thuộc Sở Tài chính tỉnh Z (có đơn xin vắng mặt).

Vụ án có nguyên đơn, bị đơn kháng cáo. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Tổng Công ty Xây dựng X được Ủy ban nhân dân tỉnh Z giao làm chủ đầu tư xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Tam Kỳ và tuyến nối Quốc lộ 1A đến cảng Kỳ Hà (đường ĐT 618) bằng phương thức: Vay vốn - Đầu tư - Thu phí hoàn vốn tại Công văn số 25/UB-KTN ngày 09/01/2001 và các Hợp đồng số 02/UB-HĐ ngày 12/7/2001 và Hợp đồng số 03/UB-HĐ ngày 11/9/2001 với Ủy ban nhân dân tỉnh Z. Theo Phương án tài chính được Ủy ban nhân dân tỉnh Z phê duyệt tại Quyết định 4006/QĐ-UB ngày 05/10/2001 thì Cienco5 được quyền tổ chức thu phí hoàn vốn trong thời gian 14 năm 4 tháng.

Ngày 17/11/2003, Công ty X và Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y (sau đây gọi tắt là Công ty Y) ký Hợp đồng kinh tế chuyển nhượng quyền thu phí Trạm thu phí Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam số 3939/HĐKT (sau đây gọi tắt là Hợp đồng 3939). Ngày 20/07/2004 Công ty X và Công ty Y ký Phụ lục hợp đồng kinh tế số 3086/PL-HĐKT (sau đây gọi tắt là Phụ lục 3086). Theo Phụ Lục 3086, thời gian Công ty Y được tổ chức thu phí theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tương ứng phần đầu tư giai đoạn 1 tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Tam Kỳ và đường ĐT 618 kể từ ngày X bàn giao công trình.

Theo Điều 4 của Hợp đồng 3939 (đã được sửa đổi tại Điều 3 bởi Phụ lục 3086) thì Công ty Y phải thanh toán cho Công ty X cho phần đầu tư tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Tam Kỳ và Đường ĐT618 với giá trị lũy kế là 404.022.596.458 đồng. Giá trị này được tính trên cơ sở giá trị đầu tư được xác định tại thời điểm ký hợp đồng (hiện giá) của giai đoạn này là 234.521.740.957 đồng với Hệ Số Chiết Khấu 10,2% /năm tăng đều 9% cho 12 tháng tiếp theo trong thời hạn 12 năm theo Phụ biểu số 1 của Phụ lục 3086.

Thực hiện Hợp đồng 3939 và Phụ lục 3086, Công ty Y đã tiến hành thu phí, tính đến ngày 02/06/2016, Công ty Y đã thanh toán được cho Công ty X tổng số tiền là: 375.504.018.625 đồng. Theo Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 và Văn bản số 4624/UBND- KTTH ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Z thì Tổng giá trị đầu tư của X được quyết toán là: 249.348.477.412 đồng. Ngày 19/5/2016, đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh Z và đại diện X đã lập Biên bản Quyết toán hợp đồng, theo đó đã xác định: (i) Tổng doanh thu phí đường bộ qua trạm thu phí Tam Kỳ từ ngày bắt đầu thu đến 0 giờ ngày 20/7/2015 là: 498.583.394.000 đồng; (ii) Tổng chi phí toàn dự án đến 0 giờ ngày 20/7/2015 là: 485.065.243.446 đồng; (iii) số phí thu thừa là: 13.518.150.553 đồng; (iv) X có trách nhiệm nộp số phí thu thừa là 13.518.150.553 đồng vào ngân sách tỉnh Z. Ngày 13/7/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Z đã quyết định tạm dừng thu phí tại trạm thu phí này tại Quyết định số 2458/QĐ-UBND. Ngày 30/05/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Z đã ban hành Quyết định số 1861/QĐ-UBND chấm dứt thu phí sử dụng đường bộ qua Trạm thu phí Tam Kỳ và xử lý các vấn đề liên quan sau khi chấm dứt thu phí (Quyết định 1861), theo đó, việc thu phí được chấm dứt kể từ 00 giờ ngày 20/7/2015; Cienco5 có trách nhiệm nộp số phí thu thừa là 13.518.150.553 đồng vào kho bạc Nhà nước tỉnh Z trước ngày 31/7/2015.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Công ty Y thanh toán cho Cienco5 các khoản tiền sau đây:

- 1/ Số tiền là 28.515.577.833 đồng còn lại của hợp đồng.
- 2/ Số tiền 25.542.777.121 đồng.
- 3/ Số tiền thu phí thừa 13.518.150.553 đồng
- 4/ Số tiền lãi chậm thanh toán là 3.715.853.247 đồng.
- 5/ Tiền phạt vi phạm hợp đồng là 10.000.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y có đơn yêu cầu phản tố ngày 01/3/2017 trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty X thì Công ty Y chỉ đồng ý thanh toán số tiền 28.515.577.833 đồng còn lại của hợp đồng. Đồng thời Công ty Y có

yêu cầu Công ty X phải bồi thường số tiền 167.985.034.000 đồng là tiền thu nhập bị mất và phạt vi phạm hợp đồng 10.000.000.000 đồng do phía Công ty X đã có hành vi vi phạm vào năm 2014, đã tự ý có văn bản gửi Bộ Giao thông Vận tải và Ủy ban nhân dân tỉnh Z đề xuất dừng thu phí tại Trạm thu phí Tam Kỳ. Mặc dù Bộ Giao thông vận tải có nhiều văn bản khẳng định tiếp tục việc thu phí, nhưng Cienco5 vẫn cố ý vi phạm hợp đồng đến cùng. Cienco5 đã thực hiện nhiều hành vi đơn phương, trong đó bao gồm việc gửi Công văn số 992/TCT5-TCKT ngày 30/6/2015 có nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Z dừng thu phí tại Trạm thu phí Tam Kỳ. Căn cứ vào Công văn này của Cienco5, Ủy ban nhân dân tỉnh Z đã ban hành Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 13/7/2015 quyết định tạm dừng thu phí tại Trạm thu phí Tam Kỳ từ 00 giờ ngày 20/7/2015. Tiếp theo đó, ngày 19/5/2016, Công ty X đã thực hiện ký Biên bản quyết toán hợp đồng với Ủy ban nhân dân tỉnh Z, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh Z ban hành Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 chấm dứt thu phí sử dụng đường bộ qua Trạm thu phí Tam Kỳ. Như vậy, Cienco 5 đã vi phạm quy định tại Điều 6.1 Phụ lục 3086 *“nếu Hợp đồng bị chấm dứt do Bên A vi phạm cơ bản Hợp đồng thì Bên A phải có trách nhiệm thanh toán lại toàn bộ những chi phí phát sinh liên quan đến những thiệt hại của Bên B và các khoản phạt do Bên A vi phạm hợp đồng.”*

Đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh Z trình bày: Ủy ban nhân dân tỉnh Z biết việc Công ty X chuyển nhượng quyền thu phí tại Trạm thu phí Tam kỳ cho Công ty Y. Ngày 30/05/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Z đã ban hành Quyết định số 1861/QĐ-UBND chấm dứt thu phí sử dụng đường bộ qua Trạm thu phí Tam Kỳ và xử lý các vấn đề liên quan sau khi chấm dứt thu phí vì căn cứ vào đề xuất của Công ty X và kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước,

Bản án sơ thẩm số 1855/2017/KDTM-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y phải thanh toán cho Tổng Công ty Xây Dựng X số tiền 28.515.577.833 đồng và tiền lãi là 8.182.550.352 đồng. Tổng cộng là: 36.698.128.185 đồng

Không chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty Xây Dựng X buộc Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y phải thanh toán số tiền 25.542.777.121 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty Xây Dựng X buộc Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y phải thanh toán số tiền 13.518.150.553

đồng và lãi suất phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.397.297.189 đồng. Tổng cộng 15.915.447.742 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty Xây Dựng X buộc Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng số tiền 10.000.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

Tổng Công ty Xây Dựng X phải thanh toán cho Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y số tiền 155.016.589.375 đồng.

Tổng Công ty Xây Dựng X phải trả cho Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y số tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 10.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/9/2017, nguyên đơn Tổng Công ty Xây Dựng X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; Ngày 22/9/2017, bị đơn Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; Ngày 09/10/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm số 1855/2017/KDTM-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; sau khi các bên tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm ngày 16, 30, 31 và ngày 08/09/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đại diện bị đơn trình bày: Vẫn giữ yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tổ tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy thiệt hại của Công ty Y là có thật và Cienco 5 có lỗi trong việc Công ty Y bị dừng thu phí tại Trạm thu phí Tam Kỳ. Do đó, rút toàn bộ kháng nghị số 907/ QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 09/10/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét buộc Công ty X bồi thường thiệt hại cho Công ty Y.

Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hai lần thu thập chứng cứ từ Ủy ban nhân dân tỉnh Z để làm rõ việc Ủy ban nhân dân tỉnh Z có biết việc chuyển nhượng quyền thu phí của các bên, căn cứ ban hành quyết định dừng thu và hiện nay Công ty X có phải là đơn vị tiếp nhận Trạm thu phí Tam Kỳ hay không. Bên cạnh đó, theo yêu cầu của đương sự, Tòa án cũng đã ban hành quyết định yêu cầu Công ty Y chứng minh thiệt hại. Công ty Y cũng đã nộp cho Tòa án kết quả kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ và Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt và bản tường trình về thiệt hại của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm phần lãi suất. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm phần nội dung chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng tại phiên tòa đã rút toàn bộ kháng nghị. Đây là những vấn đề cần xem xét.

[2] Xét thấy căn cứ lời khai đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì Công ty X được Ủy ban nhân dân tỉnh Z giao làm chủ đầu tư xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Tam Kỳ và tuyến nối Quốc lộ 1A đến cảng Kỳ Hà (đường ĐT 618) bằng phương thức: Vay vốn - Đầu tư - Thu phí hoàn trong thời gian 14 năm 4 tháng. Sau đó, ngày 17/11/2003, Cienco5 và Công ty Y ký Hợp đồng kinh tế chuyển nhượng quyền thu phí Trạm thu phí Tam Kỳ tỉnh Z, Hợp đồng 3939 và Phụ lục 3086, thời gian Công ty Y được tổ chức thu phí cũng là 14 năm 4 tháng kể từ ngày X bàn giao công trình. Thời gian thu phí này cũng được khẳng định tại các quyết định của cơ quan Nhà nước

có thẩm quyền, đó là: Quyết định số 4006/QĐ-UB ngày 05/10/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Z. Quyết định số 2623/2003/QĐ-BGTVT ngày 08/9/2003 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải. Bên cạnh đó, giữa X và Công ty Y cũng thống nhất giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 404.022.596.458 đồng. Giá trị này được tính trên cơ sở giá trị đầu tư được xác định tại thời điểm ký hợp đồng (hiện giá) của giai đoạn này là 234.521.740.957 đồng với hệ số chiết khấu 10,2% /năm tăng đều 9% cho 12 tháng tiếp theo trong thời hạn 12 năm. Ngày 30/5/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Z đã ban hành Quyết định dừng thu phí số 1861/QĐ-UBND, theo nội dung của quyết định này, buộc dừng thu phí tại trạm thu phí Tam Kỳ đến 00 giờ ngày 20/7/2015, X phải nộp ngân sách nhà nước số phí đã thu thừa là 13.518.150.553 đồng.

[3] Như vậy, khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí nói trên, Công ty X, Công ty Y đều là những doanh nghiệp có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, khi ký hợp đồng hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, các điều khoản trong hợp đồng đều không trái với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hợp đồng 3939 và Phụ lục 3086 có hiệu lực và buộc các bên phải thi hành. Theo hợp đồng, thời gian thu phí tính từ ngày 02/3/2004 đến ngày 02/7/2018 nhưng đã chấm dứt vào 00 giờ ngày 20/7/2015. Nay hợp đồng chấm dứt trước thời hạn thì cần phải xác định có hay không lỗi của các bên làm cho hợp đồng bị chấm dứt, cũng như xác định có thiệt hại xảy ra hay không và buộc bên có lỗi phải bồi thường.

[4] Xét thấy, Công ty X có Công văn số 992/TCT5-TCKT ngày 30/6/2015 với nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Z dừng thu phí tại Trạm thu phí Tam Kỳ. Tiếp theo đó, ngày 19/5/2016, Công ty X đã thực hiện ký Biên bản quyết toán hợp đồng với Ủy ban nhân dân tỉnh Z mà không có ý kiến của Công ty Y. Theo Công văn số 329/UBND-NC ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Z đã khẳng định: Căn cứ để ban hành Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 13/7/2015 quyết định tạm dừng thu phí tại Trạm thu phí Tam Kỳ từ 00 giờ ngày 20/7/2015 là căn cứ vào hợp đồng giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Z, căn cứ vào kết quả của Kiểm toán Nhà nước và do Công ty X có văn bản đề nghị dừng thu. Như vậy, Công ty X đã vi phạm quy định tại Điều 6.1 Phụ lục 3086 “*nếu Hợp đồng bị chấm dứt do Bên A vi phạm cơ bản Hợp đồng thì Bên A phải có trách nhiệm thanh toán lại toàn bộ những chi phí phát sinh liên quan đến những thiệt hại của Bên B và các khoản phạt do Bên A vi phạm hợp đồng.*”

[5] Một điểm cần lưu ý nữa là theo Công văn số 1342/STC-ĐT ngày 20/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Z trả lời cho Tòa án nhân dân Thanh phố Hồ Chí Minh thì sau khi Công ty Y dừng thu phí tại Trạm thu phí Tam Kỳ thì Công ty X lại tiếp nhận Trạm thu phí Tam Kỳ từ tháng 02/2016 đến nay đề thu phí (dự án thành phần 2 của giai đoạn II mở rộng QL1A được Bộ giao thông vận

tải phê duyệt tại Quyết Định số 3406/QĐ-BGTVT ngày 27/12/2012 và Quyết Định số 405/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2013). Mặc dù về mặt pháp lý là thu của tuyến đường khác nhưng bản chất vẫn là sự vi phạm thỏa thuận giữa các bên là đàm phán, tránh thiệt hại giữa các bên. Bên cạnh đó, Công ty Y cũng có lỗi là trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về thời gian thu phí có thể sẽ kết thúc trước thời hạn bởi quyết định của cơ quan có thẩm quyền nhưng vẫn ký hợp đồng.

[6] Từ nhận định trên, xét thấy, hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí của các bên chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, đều có lỗi của hai bên để từ đó giải quyết phần hậu quả còn lại của hợp đồng.

[7] Do chấm dứt hợp đồng nên buộc các bên thực hiện các nghĩa vụ còn lại, nguyên đơn yêu cầu Công ty Y phải thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng như yêu cầu khởi kiện của Công ty X số tiền còn thiếu là 28.515.577.833 đồng. Cấp sơ thẩm đã buộc Công ty Y thanh toán số tiền này. Phần này các bên thống nhất và không nằm trong phạm vi kháng cáo của Công ty Y nên có hiệu lực thi hành.

[8] Đối với các yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi, phạt hợp đồng 10.000.000.000 đồng. Như trên đã phân tích, hành vi vi phạm hợp đồng của Công ty X dẫn đến hợp đồng chấm dứt trước thời hạn, do đó, Công ty Y không phải chịu lãi trên các khoản tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Cấp sơ thẩm buộc Công ty Y phải chịu lãi trên số tiền thanh toán 28.515.577.833 đồng là không đúng. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của Công ty Y về vấn đề này, sửa bản án sơ thẩm theo hướng Công ty Y không phải chịu lãi chậm thanh toán trên số tiền 28.515.577.833 đồng cũng như không chấp nhận Công ty Y bồi thường số tiền 10.000.000.000 đồng.

[9] Xét các yêu cầu còn lại của Công ty X buộc Công ty Y thanh toán đối với số tiền 25.542.777.121 đồng. Nguyên đơn căn cứ vào tổng giá trị đầu tư (cả giai đoạn 1 và giai đoạn 2) của Công ty X được quyết toán là: 249.348.477.412 đồng (theo Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 và Văn bản số 4624/UBND-KTTH ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Z) thì Công ty Y còn phải thanh toán cho Công ty X số tiền là: $(404.022.596.458 \times 249.348.477.412) / 234.521.740.957 - 404.022.596.458 = 429.565.373.580 - 404.022.596.458 = 25.542.777.121$ đồng. Xét thấy Hợp đồng 3939 và Phụ lục 3086 đưa ra số liệu giá trị đầu tư ban đầu của Công ty X là 234.521.740.957 đồng. Giá trị lũy kế của Hợp đồng mà Công ty Y phải thanh toán cho Công ty X tổng số tiền là 404.022.596.458 đồng trong thời hạn 12 năm với hệ số chiết khấu là 10,2%/năm. Ngoài ra không có điều khoản nào quy định việc thanh toán cho nhau phân chênh lệch tăng hoặc giảm giữa nguyên đơn và bị đơn khi toàn bộ dự

án đầu tư được quyết toán. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở.

[10] Xét nội dung yêu cầu của Công ty X buộc Công ty Y thanh toán đối với số tiền phí thu thừa là 13.518.150.553 đồng.

Nguyên đơn căn cứ vào Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành số 2877/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Z và Biên bản về quyết toán hợp đồng ngày 19/5/2016 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Z để yêu cầu Công ty Y thanh toán số tiền phí thu thừa là 13.518.150.553 đồng. Việc căn cứ vào kết quả kiểm toán nhà nước khu vực III và Biên bản xác nhận số liệu do Kiểm toán viên Nguyễn Xuân Quang kết luận thì: *“Riêng phần chi phí duy tu, sửa chữa thường xuyên và trùng tu, Cienco 5 đang trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, sau khi chấp thuận xin được bổ sung để tính lãi theo quy định”*. Như vậy căn cứ Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Z thì chi phí đầu tư được quyết toán toàn dự án bằng số tiền 249.348.447.412 đồng là chưa đầy đủ, thiếu quyết toán phần lãi nêu trên. Các điều khoản trong Hợp đồng 3939 và Phụ lục 3086 không quy định về khoản phí thu thừa Công ty Y phải trả cho Công ty X. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán đối với số tiền phí thu thừa là 13.518.150.553 đồng là có cơ sở.

[11] Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Căn cứ Điều 302 của Luật Thương mại năm 2005 quy định: *“Giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm”*. Trong vụ án này, thiệt hại của Công ty Y là có thật. Đó là lợi nhuận thu được trong khoảng thời gian chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Cụ thể là 35 tháng còn lại của hợp đồng. Xét cấp sơ thẩm đã căn cứ biên bản xác nhận số liệu của Cục Thuế tỉnh Z thì doanh thu từ ngày 01/01/2015 đến ngày 20/7/2015 là 39.937.447.000 đồng nên lấy trung bình chung của 06 tháng liền trước ngày tạm dừng thu phí (từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 là 35.996.793.000 đồng) nhân với 2 năm 04 tháng và trừ đi chi phí khoán thu (7,17%) và chi phí duy tu thường xuyên (0,55%). Cụ thể: $35.996.793.000 \text{ đồng} \times 28 - 7,72\% = 155.016.589.375 \text{ đồng}$. Từ đó, buộc Công ty X phải thanh toán cho Công ty Y số tiền 155.016.589.375 đồng tiền bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, xét thấy do cách tính trung bình chung của 6 tháng liền kề là chưa chính xác. Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm, các bên cũng thống nhất cho kiểm toán lại lợi nhuận của Công ty Y trong 6 tháng trước thời điểm dừng thu. Theo kết quả kiểm toán độc lập số 043/BCKT/DTCP ngày 02/3/2018 của Công ty TNHH dịch vụ và tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt và Bảng tường trình ngày 04/6/2018 của Công ty Hiệp Phúc thì tổng số doanh thu từ ngày 01/01/2015 là 39.937.447.000

đồng. Doanh thu bình quân ngày là 199.687.235 đồng. Tổng doanh thu của 35 tháng trên cơ sở tốc độ tăng trưởng doanh thu là 4%/ năm là 224.768.441.615 đồng, trừ các khoản chi phí cụ thể số tiền mà Công ty Y thanh toán cho Công ty X là 28.518.577.833 đồng, số tiền chi cho hoạt động thu phí là 14.947.101.367 đồng, chi cho hoạt động thường xuyên là 2.360.068.637 đồng. Số tiền còn lại được xác định là lợi nhuận của Công ty Y trong 35 tháng còn lại của hợp đồng là 178.942.693.778 đồng. Căn cứ Điều 425 Bộ luật dân sự, Điều 302 Luật Thương mại năm 2005 thì cả hai bên đều có lỗi và phải gánh chịu $\frac{1}{2}$ số thiệt hại nói trên. Do đó, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty Y. Buộc X thanh toán số tiền thiệt hại cho Công ty Y là 178.942.693.778 đồng: $2 = 89.471.346.389$ đồng.

[12] Xét yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng 10.000.000.000 đồng của phía Công ty Y. Như nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Công ty X có lỗi dẫn đến Hợp đồng 3939 kết thúc trước thời hạn nhằm mục đích tự mình thu phí tại Trạm thu phí Tam Kỳ từ tháng 02/2016 đến nay (hiện Công ty X đang thu phí tại Trạm thu phí Tam Kỳ của dự án thành phần 2 của giai đoạn II mở rộng QL1A được Bộ giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết Định số 3406/QĐ-BGTVT ngày 27/12/2012 và Quyết Định số 405/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2013) dẫn đến hai bên không thống nhất việc ký kết phụ lục hợp đồng để Công ty Y được tiếp tục thu phí là vi phạm Điều 6.2 Phụ lục 3086. Căn cứ Điều 6.3 Phụ lục 3086 các bên thỏa thuận nếu bên nào vi phạm thì phải chịu phạt hợp đồng số tiền là 10.000.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Y, buộc Công ty X phải chịu phạt hợp đồng 10.000.000.000 đồng là đúng quy định tại các Điều 300 và 301 của Luật Thương mại năm 2005, do đó, không chấp nhận kháng cáo của Công ty X phần này.

[13] Căn cứ Điều 378 Bộ luật dân sự, do nghĩa vụ các đương sự được bù trừ lẫn nhau nên để thuận tiện cho việc thi hành án, nghĩa vụ của các bên được đối trừ cho nhau, cụ thể Công ty X chỉ phải thanh toán cho Công ty Y số tiền 89.471.346.389 đồng (là $\frac{1}{2}$ số tiền thu nhập bị mất trong 35 tháng còn lại của hợp đồng + 10.000.000.000 đồng (tiền phạt do vi phạm hợp đồng) – 28.515.377.833 đồng (số tiền còn lại của hợp đồng mà Công ty Y phải thanh toán) = 70.955.768.556 đồng.

[14] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty X, buộc Công ty Y phải thanh toán cho Công ty X số tiền còn lại của hợp đồng là 28.515.377.833 đồng, không chấp nhận các yêu cầu còn lại của nguyên đơn. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc Công ty X

thanh toán tiền thu nhập bị mất của 35 tháng còn lại của hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí theo quy định pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận. Căn cứ Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 907/ QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 09/10/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa Bản án sơ thẩm số 1855/2017/KDTM-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[15] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[15.1] Tổng Công ty Xây Dựng X phải chịu mức án phí đối với những khoản tiền không được chấp nhận, cụ thể như sau: 25.542.777.121 đồng là số tiền chênh lệch nghĩa vụ tính theo giá trị đầu tư được quyết toán; 13.518.150.553 đồng tiền phí thu thừa; lãi suất tính đến ngày xét xử là 8.182.550.352 đồng + 2.397.297.189 đồng không được chấp nhận; 10.000.000.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng; 70.955.768.556 đồng tiền thanh toán cho Công ty Y. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 238.596.544 (hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm bốn mươi bốn đồng).

[15.2] Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y phải chịu mức án phí đối với những khoản tiền sau: 28.518.577.833 đồng là số tiền Công ty Y phải thanh toán cho Công ty X; Phần yêu cầu không được chấp nhận 155.016.589.375 đồng – (70.955.768.556 + 10.000.000.000 đồng) = 55.545.242.986 đồng. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 163.545.243 (một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi ba đồng).

[15.3] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Tổng Công ty Xây Dựng X, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 907/ QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 09/10/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa Bản án sơ thẩm số 1855/2017/KDTM-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố

Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của bị đơn.

1.2. Buộc Tổng Công ty Xây Dựng X phải thanh toán cho Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y số tiền sau khi bù trừ nghĩa vụ của hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí số tiền là 70.955.768.556 đồng (bảy mươi tỷ chín trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng).

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty Xây Dựng X buộc Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y phải thanh toán các khoản tiền sau: Tiền lãi là 8.182.550.352 đồng; tiền chênh lệch hợp đồng toán số tiền 25.542.777.121 đồng, tiền vượt thu và lãi của số tiền này là 15.915.447.742 đồng, tiền phạt do vi phạm hợp đồng số tiền 10.000.000.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Tổng Công ty Xây Dựng X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 238.596.544 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm bốn mươi bốn đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 94.647.680 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0004675 ngày 10/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty Xây Dựng X còn phải nộp 143.948.864 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi bốn đồng).

Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 163.545.243 đồng (một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi ba đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 151.232.715 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0019192 ngày 07/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y còn phải nộp là 12.312.528 đồng (mười hai triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm hai mươi tám đồng).

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Tổng Công ty Xây Dựng X đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0022026 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Y đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu

tiền số AA/2017/0022037 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày các đương sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận 1;
- TAND Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thùy Dung

